

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY NAM
TỈNH BẾN TRE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 99/2024/HN-ST

Ngày: 29-7-2024

*“V/v tranh chấp hôn nhân
và gia đình về ly hôn”*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM - TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thúy Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Nam

2. Bà Mai Thị Nhắc

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàng Thu
Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre
tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Hoàng Lanh – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2024, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 197/2024/TLST-HNGĐ, ngày 03 tháng 5 năm 2024, về: *“Tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 275/2024/QĐXX-ST ngày 24 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phan Thị Thu G, sinh năm 1996; Địa chỉ cư trú: 119C, khu phố A, phường B, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Hữu T, sinh năm 1991; Địa chỉ cư trú: 197/14, khu phố A, thị trấn M, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Chị G, anh T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn xin ly hôn đề ngày 25/4/2024 và trong quá trình tố tụng, chị Phan Thị Thu G trình bày:

1. Về hôn nhân: Chị xin ly hôn với anh Nguyễn Hữu T. Lý do: Chị và anh T do tìm hiểu tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường B, thành phố Bến Tre cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 01/11/2023. Quá trình sống chung, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng không có tiếng nói chung, không thể hoà hợp. Nay tình cảm đã không còn,

mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng nên quyết định ly hôn.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung của vợ chồng: Tự thỏa thuận, không yêu cầu.

4. Về nợ chung của vợ chồng: Không có.

- Bị đơn anh Nguyễn Hữu T vắng mặt, không lời trình bày.

- Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam phát biểu cho rằng:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký cũng như đương sự nghiêm túc thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình được Bộ luật tố tụng dân sự quy định. Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, không có đơn xin vắng.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị xem xét: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phan Thị Thu G; Con chung: Chị Phan Thị Thu G trình bày không có, không xem xét. Tài sản chung: Chị Phan Thị Thu G không yêu cầu, Nguyễn Hữu T vắng mặt không lời trình bày, không xem xét. Về nợ chung: Chị Phan Thị Thu G trình bày không có, anh Nguyễn Hữu T vắng mặt không lời trình bày, không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Căn cứ vào đơn xin ly hôn của chị Phan Thị Thu G, Hội đồng xét xử xác định vụ án có quan hệ tranh chấp là “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn*”; Trong đó xác định chị Phan Thị Thu G là nguyên đơn, anh Nguyễn Hữu T là bị đơn; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Xét việc vắng mặt của chị Phan Thị Thu G có đơn xin vắng, anh Nguyễn Hữu T vắng mặt tại phiên tòa (vắng mặt lần thứ 2, không có đơn xin vắng), Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt chị Phan Thị Thu G và anh Nguyễn Hữu T là đúng quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về nội dung giải quyết vụ án:

1. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Phan Thị Thu G, thấy rằng:

Chị G yêu cầu xin ly hôn với anh T.

Anh T vắng mặt, không lời trình bày.

Thấy rằng mục đích hôn nhân là để xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc; trong quá trình sống chung vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị G và anh T theo chị G nguyên nhân bắt nguồn từ mâu thuẫn vợ chồng, từ việc bắt

đồng quan điểm nhưng không tìm được hướng hàn gắn, đoàn tụ, vợ chồng đã có thời gian dài không sống chung. Nay chị G kiên quyết ly hôn. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng đã tạo điều kiện triệu tập nhưng anh T vắng mặt không đến Tòa điều đó chứng minh anh T cũng không có ý muốn hoà giải với chị G. Xét khả năng hàn gắn đoàn tụ là không thể, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân đã không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị G theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 là có căn cứ.

2. Về con chung: Chị Phan Thị Thu G trình bày không có, không giải quyết.

3. Về tài sản chung của vợ chồng: Chị Phan Thị Thu G trình bày tự thỏa thuận, anh Nguyễn Hữu T vắng mặt, không lời trình bày, không yêu cầu, không giải quyết.

4. Về nợ chung của vợ chồng: Chị Phan Thị Thu G trình bày không có, anh Nguyễn Hữu T vắng mặt, không lời trình bày, không giải quyết.

Án phí dân sự không có giá ngạch đối với yêu cầu xin ly hôn, chị G chịu theo quy định.

[3]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định trên nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 68, khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phan Thị Thu G.

Cụ thể tuyên:

1. Chị Phan Thị Thu G được ly hôn với anh Nguyễn Hữu T.

2. Về con chung: Chị Phan Thị Thu G trình bày không có, không giải quyết.

3. Về tài sản chung của vợ chồng: Chị Phan Thị Thu G trình bày tự thỏa thuận, anh Nguyễn Hữu T vắng mặt, không lời trình bày, không yêu cầu, không giải quyết.

4. Về nợ chung của vợ chồng: Chị Phan Thị Thu G trình bày không có, anh Nguyễn Hữu T vắng mặt, không lời trình bày, không giải quyết.

Các đương sự không có yêu cầu nào khác, không xem xét.

5. Về án phí dân sự không có giá ngạch (Đối với yêu cầu ly hôn): 300.000 đồng (Ba trăm nghìn), chị Phan Thị Thu G phải chịu. Được khấu trừ theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005384 ngày 02 tháng 5 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành bản án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Nam;
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam;
- Cơ quan thực hiện ĐKKH;
- Đương sự;
- Lưu (Hs, Vp).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đã ký

Đỗ Thúy Hằng